

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Sơn, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và GPMB để Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thực hiện Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 - Khu 115ha (Phương án 1-Phần đất ở, đợt 1); địa điểm: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Bình Sơn; Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bình Sơn;

Căn cứ Công văn số 7396/UBND-CNXD ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ Thông báo số 516/TB-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe, chỉ đạo giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án của Hòa Phát trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất;

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024);

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế, xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 80/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BQL ngày 18/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; Quyết định số 269/QĐ-BQL ngày 18/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi về Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại Khu tái định cư Vạn Tường, xã Bình Hải, phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Vạn Tường;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND huyện Bình Sơn, phê duyệt đơn giá cây cối, hoa màu không có trong bảng giá quy định hiện hành của UBND tỉnh để làm cơ sở lập phương án bồi thường dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; địa điểm: xã Bình Thuận, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định từ số/QĐ-UBND đến số/QĐ-UBND ngày/12/2023 của UBND huyện Bình Sơn về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân ở xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 378/TTr-PTQĐ ngày 30/11/2023; đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 49/BCTĐ-TNMT ngày 08/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng để Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thực hiện Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 - Khu 115ha (Phương án 1 – Phần đất ở, đợt 1); địa điểm: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

1. Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng, lập PABT, HT: 14.490,0 m²

Diện tích đất được bồi thường: 14.490,0 m²

2. Tổng số hồ sơ bồi thường, hỗ trợ: 45 hồ sơ

Hộ gia đình, cá nhân: 45 hồ sơ

3. Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 51.994.188.741 đồng
(Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng);

Trong đó:

3.1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp: 50.974.694.844 đồng

a. Bồi thường, hỗ trợ về đất 11.146.260.000 đồng

b. Bồi thường, hỗ trợ về nhà cửa, vật kiến trúc 25.976.428.746 đồng

c. Bồi thường về cây cối hoa màu 910.580.250 đồng

d. Các khoản hỗ trợ khác 12.941.425.848 đồng

3.2. Chi phí phục vụ BT, thẩm định (3.1 x 2%) 1.019.493.897 đồng

(Chi tiết như Phương án bồi thường, hỗ trợ đã thẩm định)

4. Nguồn kinh phí: Do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi phối hợp Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất chi trả (Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất tự nguyện ứng trước chi trả toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Công văn số 177/2018/HPDQ ngày 25/3/2018 của Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất).

5. Tái định cư:

5.1. Tổng số hộ được bố trí tái định cư theo Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh là: 43hộ/45 lô đất.

(cụ thể có Danh sách kèm theo).

5.2. Địa điểm tái định cư: Khu tái định cư Vạn Tường, xã Bình Hải.

5.3. Tổng tiền phải nộp tại nơi tái định cư là: **22.705.320.800 đồng.**

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này là căn cứ để Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện và Chủ đầu tư niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với khối lượng, hợp pháp theo quy định đối với từng nội dung đề nghị thẩm định phê duyệt.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm dự thảo Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi tiết gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện ban hành theo quy định; phối hợp với UBND xã Bình Thuận công khai giao Quyết định bồi thường và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân đảm bảo đúng thời gian quy định; đồng thời, lập đầy đủ hồ sơ trình UBND huyện (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) ban hành quyết định giao đất tái định cư và ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các cơ quan, đơn vị: Tài nguyên và Môi trường huyện, Tài chính – Kế hoạch huyện, Kinh tế và Hạ tầng huyện, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, UBND xã Bình Thuận, Giám đốc Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Q.Ngãi;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND: PCVP, CVTNMT;
- Website;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Dụng

**DANH SÁCH BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP SẢN
XUẤT GANG THÉP HÒA PHÁT DUNG QUẤT 2 – KHU 115HA
(PHƯƠNG ÁN 2 - PHƯƠNG ÁN 1 - ĐẤT Ở, ĐỢT 1)**

Địa điểm: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../2023
của UBND huyện Bình Sơn)*

1. Tổng số hộ được bố trí tái định cư theo Khoản 1 Điều 20 Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh là: 43hộ/43 lô đất, cụ thể:

TT	Họ và tên	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số hiệu TBD địa chính	Số thửa theo TBD	Số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Địa điểm tái định cư
1	Hộ ông Võ Trị	K2.2.2.19	202,36	20	647	485.664.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
2	Hộ ông Tạ Văn Phó	K2.3.4.16	245,84	14	450	722.769.600	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
3	Bà Nguyễn Thị Đua	K2.2.2.18	202,47	20	646	485.928.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
4	Hộ ông Huỳnh Quốc	K2.4.2.16	200	14	495	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
5	Hộ bà Phạm Thị Nhớ	K2.3.4.22	201,25	14	454	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
6	Hộ ông Phạm Công Quảng	K2.4.2.6	200	14	487	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
7	Bà Lê Thị Mỹ Chung	K2.3.1.16	200	20	458	560.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
8	Bà Huỳnh Thị Hồng	K2.3.4.23	201,25	14	455	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
9	Ông Võ Thanh Hưng	K2.4.2.7	200	14	488	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
10	Ông Tạ Văn Sinh	K2.3.4.15	201,25	14	449	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
11	Ông Tạ Văn Kiên	K2.3.4.14	201,25	14	448	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
12	Ông Tạ Văn Tiên	K2.3.4.13	201,25	14	447	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
13	Ông Huỳnh Văn Hùng	K2.4.2.17	200	14	496	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
14	Ông Lương Văn Tây	K2.4.2.19	200	14	498	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải

TT	Họ và tên	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số hiệu TĐĐ địa chính	Số thửa theo TĐĐ	Số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Địa điểm tái định cư
15	Bà Nguyễn Thị Hồng Thu	K2.4.2.18	200	14	497	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
16	Ông Nguyễn Văn Tây	K2.3.4.21	201,25	14	453	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
17	Hộ ông Huỳnh Văn Chiến	K2.1.7.19	200	20	580	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
18	Bà Võ Thị Quyên	K2.4.2.11	200	14	492	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
19	Ông Võ Thanh Sang	K2.4.2.9	200	14	490	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
20	Bà Huỳnh Thị Dân	K2.3.2.27	200	20	491	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
21	Ông Võ Văn Thanh	K2.3.4.31	201,25	14	463	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
22	Bà Nguyễn Thị Thùy	K2.3.4.32	201,25	14	464	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
23	Ông Võ Văn Bình	K2.3.4.30	201,25	14	462	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
24	Bà Võ Thị Hương	K2.4.1.22	200	14	480	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
25	Ông Võ Thanh Long	K2.4.1.20	200	14	478	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
26	Bà Võ Thị Lan	K2.4.1.19	200	14	477	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
27	Bà Phạm Thị Tuyết Nữ	K2.4.2.5	200	14	486	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
28	Ông Phạm Công Sự	K2.4.1.6	200	13	92	560.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
29	Hộ ông Võ Kính	K2.4.2.22	200	14	501	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
30	Bà Võ Thị Lý	K2.4.1.23	200	14	481	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
31	Bà Võ Thị Hiếu	K2.4.2.21	200	14	500	360.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
32	Ông Võ Văn Luận	K2.4.1.24	200	14	482	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
33	Ông Phạm Công Toàn	K2.4.1.7	200	13	93	560.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
34	Bà Phạm Thị Kiều Vân	K2.4.2.3	200	14	484	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải

TT	Họ và tên	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số hiệu TBD địa chính	Số thửa theo TBD	Số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Địa điểm tái định cư
35	Ông Phạm Công Nghĩa	K2.4.2.4	200	14	485	480.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
36	Bà Trần Thị Thùy Dung	K2.3.4.4	201,25	14	438	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
37	Bà Nguyễn Thị Thôi	K2.3.4.3	201,25	14	437	483.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
38	Ông Phạm Công Kiên	K2.1.8.16	200	21	624	560.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
39	Ông Võ Văn Khánh	K2.3.4.9	201,25	14	443	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
40	Bà Võ Thị Thơm	K2.3.4.7	201,25	14	441	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
41	Ông Lâm Văn Thảo	K2.4.3.10	212	14	509	623.280.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
42	Bà Phạm Thị Lâm Kin	K2.1.8.17	200	21	625	560.000.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
43	Bà Võ Thị Phụng	K2.3.4.8	201,25	14	442	563.500.000	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
Tổng cộng						21.203.141.600	

2. Các trường hợp được bố trí 02 hộ/02 lô tái định cư theo khoản 2, Điều 22, Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh, cụ thể:

TT	Họ và tên	Vị trí/ Số lô đất	Diện tích lô đất (m ²)	Số hiệu TBD địa chính	Số thửa theo TBD	Số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Địa điểm tái định cư
1	Hộ ông Võ Trị	K2.4.2.10	200	14	491	751.089.600	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
2	Hộ ông Tạ Văn Phó	K2.3.4.17	200	14	544	751.089.600	Khu TĐC Vạn Tường, xã Bình Hải
Tổng cộng						1.502.179.200	